

Ba Vì, ngày 27 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 98/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 19/8/2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: *Ngân hàng S*

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức TD – Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh V – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh TD - S

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Phương C – Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch L

Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1984

Chị Nguyễn Thị KĐ, sinh năm 1986

Cùng trú tại: Xóm N, xã VL, huyện BV, thành phố Hà Nội

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng số LD1714300250 ngày 24/5/2017, khế ước nhận nợ ngày 25/5/2017 và các phụ lục bổ sung, vợ chồng anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền gốc 221.860.900đ; Tiền lãi theo hợp đồng ký kết tính đến ngày 18/8/2020 là 65.207.679. Tổng là 287.068.579đ.

* Phương thức thanh toán làm 4 lần:

+ Lần 1: Ngày 15/9/2020, anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*);

+ Lần 2: Ngày 15/10/2020, anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*);

+ Lần 3: Ngày 15/11/2020, anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*);

+ Lần 4: Ngày 15/12/2020, anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S số tiền gốc còn là 171.860.900đ; Tiền lãi tính đến ngày 18/8/2020 là 65.207.679đ (*Sáu mươi lăm triệu, hai trăm linh bảy nghìn, sáu trăm bảy mươi chín đồng*) và toàn bộ tiền lãi trên nợ gốc chưa trả phát sinh từ ngày 19/8/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1714300250 ngày 24/5/2017, khế ước nhận nợ ngày 25/5/2017 và các phụ lục bổ sung.

Nếu đến các thời hạn thanh toán nêu trên, anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ tại bất kỳ lần trả nợ nào cho Ngân hàng S thì Ngân hàng S có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Vì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, biển kiểm soát 30E-743.03, số máy G4LAHM368639, số khung 41CAHM245791, đăng ký lần đầu ngày 23/5/2017 đứng tên chủ xe Phạm Văn L theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số LD1714300250/HĐTC ngày 24/5/2017, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm. Trường hợp việc phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán các nghĩa vụ trả nợ của anh L, chị Đ đối với Ngân hàng S thì anh L, chị Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ cho đến khi trả hết số nợ cho Ngân hàng S

* Về án phí và chi phí tố tụng:

+ Anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự có giá ngạch là: 7.177.000đ (*Bảy triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

+ Trả lại Ngân hàng S tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì theo biên lai số 0009804 ngày 25/12/2019, số tiền 6.220.000đ (*Sáu triệu, hai trăm, hai mươi nghìn đồng*).

+ Anh Phạm Văn L, chị Nguyễn Thị KĐ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng S chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 2.500.000đ (*Hai triệu, năm trăm nghìn đồng*) Ngân hàng S đã nộp tại Tòa án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ mà người phải

thi hành án không chấp hành án hoặc chấp hành không đầy đủ thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Ba Vì;
- Chi cục THADS h. Ba Vì;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN PHÚC THỊNH

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

